

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2021

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhân hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)			Ghi chú
											NSNN (Nghìn đồng)	Nộp	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
I	Không có													
1	Đầu tư xây dựng, mua sắm													
2	Trụ sở làm việc/ cơ sở hoạt động sự nghiệp													
3	Xe ô tô													
3	Tài sản cố định khác													
II	Không có													
1	Tài sản giao mới													
1	Trụ sở làm việc/ cơ sở hoạt động sự nghiệp													
2	Xe ô tô													
3	Tài sản cố định khác													
III	Tài sản đi thuê													
1	Trụ sở làm việc/ cơ sở hoạt động sự nghiệp													
2	Xe ô tô													
3	Tài sản cố định khác													
IV	Tài sản từ nguồn viện trợ, quà biếu, tặng cho (nếu có)													

NGƯỜI LẬP BIỂU

Bùi Thị Hằng

Ngày 22 tháng 01 năm 2022

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN



Lê Ngọc Khái

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2021

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất						Công khai về nhà											Ghi chú		
		Diện tích(m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán(Ngìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)						Tổng diện tích sàn sử dụng(m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Ngìn đồng)			Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m ²))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác			
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Trường THPT Thủ Đức	11.086,8	46.937.076,480		X										X						
2	Nhà vệ sinh học sinh									2004	53	146.422	104.177,70								
3	Dãy lớp học A									1972	3.384	5.298.000	161.728,42		X						
4	Dãy lớp học B									1998	1.260	953.058	538.226,96		X						
5	Dãy lớp học C									2001	2.160	3.215.246	2.043.288,83		X						
6	Nhà ăn									2006	264	1.227.777	942.932,74		X						
7	Nhà vệ sinh học sinh dãy A									2010	210	361.469,32	295.076,99		X						
8	Tường rào sau dãy D									2011	420	350.420	35.042		X						
9	Tường rào sau dãy A,B									2012	231	282.714,3	169.628,58		X						
	Tổng cộng:	11.086,8	46.937.076,480									11 835 106 617	4 290 102 222								

NGƯỜI LẬP BIỂU



Bùi Thị Hằng

Ngày 22 tháng 01 năm 2022

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN



Lê Ngọc Khải

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC NĂM 2021

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng									
				Tổng cộng		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác		
						Trong đó											
						Nguồn ngân sách	Nguồn khác										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15			
I	Xe ô tô			Không có													
1	Xe 1																
2	Xe 2																
	...																
II	Tài sản cố định khác																
	Máy móc, thiết bị			6.201.288.596	5.725.620.596	475.668.000	619.902.561										
1	Máy vi tính cho học sinh		20	134.200.000	134.200.000				X								
2	Máy vi tính Dual core E5200 2.5 Ghz (khác)		1	98.490.400	98.490.400				X								
3	Máy vi tính cho học sinh		16	107.360.000	107.360.000				X								
4	Máy vi tính phòng y tế		1	11.171.000	11.171.000				X								
5	Máy tính xách tay ACER (travel Mate P243-M)		4	66.800.800	66.800.800				X								
6	Máy vi tính sever		2	49.500.000	49.500.000				X								
7	Máy vi tính (CPU + LCD 17inch+ bàn phím+ loa+ tai kết nối bằng dây)		2	20.460.000	20.460.000				X								
8	Máy vi tính + loa (đặt bàn giáo viên)		8	123.200.000	123.200.000				X								
9	Máy vi tính cho giáo viên		2	20.900.000	20.900.000				X								
10	Máy vi tính cho giáo viên		11	106.480.000	106.480.000				X								
11	Máy vi tính cho giáo viên		1	8.690.000	8.690.000				X								
12	Máy vi tính + loa (đặt bàn giáo viên)		1	8.910.000	8.910.000				X								
13	Máy vi tính cho học sinh		60	402.600.000	402.600.000				X								
14	Máy lọc nước CAH3UV		1	9.570.000	9.570.000				X								
15	Máy năng lượng mặt trời		1	52.472.000	52.472.000				X								
16	Máy lọc nước nóng lạnh		2	18.062.000	18.062.000				X								
17	Máy lọc nước nóng lạnh		4	35.992.000	35.992.000				X								
18	Máy lọc nước uống cho học sinh (TL01HCO)		2	24.420.000	24.420.000				X								
19	Mua 01 ti vi Samsung 55'		1	19.990.000	19.990.000				X								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Trong đó	Nguồn ngân sách								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
20	Ti vi Smart65'		2	59.780.000	59.780.000		23.912.000		X					
21	Tivi Toshiba. Lab. Samsung....		9	133.238.000		133.238.000	42.614.200		X					
22	Đầu video TVC HR94		1	2.400.000	2.400.000		720.000		X					
23	Đầu máy DVD		1	1.100.000	1.100.000		330.000		X					
24	Mua đầu đĩa karaoke Ariang (AR3600)		1	5.450.000	5.450.000				X					
25	Dàn âm thanh USA		1	53.405.000	53.405.000				X					
26	Amplpy - loa - Micro dây cầm tay toa		2	69.300.000	69.300.000				X					
27	Âm thanh - ánh sáng sân khấu		1	324.500.000	324.500.000				X					
28	Hệ thống âm thanh hội trường lớn		1	41.855.000	41.855.000				X					
29	Máy photo kỹ thuật số Ricoh Aficio MP 1800L2		2	71.280.000	71.280.000				X					
30	Ôn áp Hansin 30KVA		2	41.800.000	41.800.000				X					
31	Máy khuấy từ có gia nhiệt IKA(phòng hóa)		1	24.200.000	24.200.000				X					
32	Máy quay ly tâm (bằng điện)		2	3.960.000	3.960.000				X					
33	Thiết bị lab		1	269.500.000	269.500.000				X					
34	máy cất nước (5l/h)		1	4.400.000	4.400.000				X					
35	Thiết bị lab		1	269.500.000	269.500.000				X					
36	máy cất nước (5l/h)		1	3.740.000	3.740.000				X					
37	Máy lạnh 2HP		1	89.750.000	89.750.000		56.093.750		X					
38	Máy giáo viên		2	20.900.000	20.900.000				X					
39	Máy học viên		8	46.640.000	46.640.000				X					
40	Máy lạnh Panasonic 2HP 2cục		4	55.440.000	55.440.000				X					
41	Camera trình chiếu vật thể (phòng đa chức năng)		1	4.950.000	4.950.000				X					
42	Bộ giao diện tin học Hóa phòng TN Sinh - Lý		2	83.600.000	83.600.000				X					
43	Bộ giao diện tin học Hóa phòng TN Hóa		1	38.500.000	38.500.000				X					
44	Máy học viên		90	524.700.000	524.700.000				X					
45	06 máy lạnh cho học sinh nghỉ trưa		6	55.200.000	55.200.000		27.600.000		X					
46	Máy lạnh 2HP		1	10.621.000	10.621.000		7.965.750		X					
47	Máy in A4 HP1006		1	6.750.000	6.750.000				X					
48	Máy in laser đa chức năng MFR180 (color-laser) Samsung CLX-3185 FN		2	33.660.000	33.660.000		26.928.000		X					
49	Máy in laser đa chức năng MFR180 (color-laser) Samsung CLX-3185FN		1	24.750.000	24.750.000				X					
50	Máy in HP laser-1006 P1102		4	9.504.000	9.504.000				X					
51	Máy in HP laser Jet P1102		2	12.870.000	12.870.000				X					
52	Máy in phòng y tế		1	4.500.000	4.500.000				X					
53	Máy in phòng Hiệu trưởng		1	3.050.000	3.050.000				X					
54	Máy chiếu Panasonic PT-LB78VEA (4)		4	110.670.956	110.670.956		1		X					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)						Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguyên ngân sách	Nguyên khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
55	Máy chiếu Panasonic PT-LB78VEA (3)		3	80.444.000	80.444.000				X						
56	Máy chiếu Panasonic		2	37.620.000	37.620.000				X						
57	Máy chiếu Panasonic PT-LB 3EA		6	125.433.000	125.433.000				X						
58	Máy chiếu Projecter (cáp nối + giá treo)		12	344.520.000	344.520.000				X						
59	Máy chiếu vật thể samsung SPT 5500		1	17.600.000	17.600.000				X						
60	Máy chiếu vật thể samsung SPT 5500		1	18.700.000	18.700.000				X						
61	Máy chiếu Panasonic PT-LB 3EA		2	38.390.000	38.390.000				X						
62	Máy chiếu vật thể ActiView 122		4	69.722.840	69.722.840				X						
63	Máy chiếu cự ly gần PRM-36		4	137.200.800	137.200.800				X						
64	Máy chiếu Sony VPL-EX 230		2	31.355.500	31.355.500				X						
65	Máy chiếu SONY VPL-EX233 + màn chiếu 70" + giá treo và công lắp đặt		2	30.162.000	30.162.000				X						
66	Máy chiếu Panasonic		1	29.157.700	29.157.700		11.663.080		X						
67	Bộ thiết bị đồng minh(Bang điện từ 75" - Màn hình 21" - Bàng da nắng - thiết bị loa trợ)		1	306.200.000	306.200.000		122.480.000		X						
68	Máy chiếu, màn chiếu Epson X400, Panasonic...		26	342.430.000		342.430.000	136.972.000		X						
69	Thiết bị bảng thông minh ebeam		10	217.800.000	217.800.000		21.780.000		X						
70	Màn chiếu điện điều khiển bằng công tắc và remote		2	8.360.000	8.360.000		836.000		X						
71	Teacher control Panel IK 18000T		1	18.117.000	18.117.000		1.811.700		X						
72	Khởi điều khiển học viên 2 cổng IK-2200S		1	6.127.000	6.127.000		612.700		X						
73	Bộ chuyển đổi tín hiệu của bàn điều khiển GV IK-3000V		1	26.873.000	26.873.000		2.687.300		X						
74	Thiết bị bảng thông minh (bảng, microphone, TB kiểm tra)		4	449.653.600	449.653.600		134.896.080		X						
75	Hệ thống điều khiển trung tâm		4	19.800.000	19.800.000				X						
76	Hệ thống điều khiển trung tâm		2	10.890.000	10.890.000				X						
	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		1	110.504.000	110.504.000										
1	Thiết bị hộp trực tuyến		1	110.504.000	110.504.000				X						
	Thiết bị, dụng cụ quản lý		1	1.416.700.253	1.416.700.253		143.016.337								
1	Bàn làm việc = gỗ cao su ghép 1.2x0.6 (10)		10	5.990.000	5.990.000		599.000		X						
2	Bàn làm việc cho hội trường		1	19.800.000	19.800.000		9.900.000		X						
3	Tủ hồ sơ		4	10.083.000	10.083.000		201.660		X						
4	Giá để thiết bị		4	10.296.000	10.296.000				X						
5	Giá để thiết bị		2	6.556.000	6.556.000				X						
6	Kệ thí nghiệm		7	9.702.000	9.702.000				X						
7	Bàn họp oval (8 khối)		1	11.400.000	11.400.000		4.560.000		X						
8	Bộ bàn họp 10 người		1	16.500.000	16.500.000				X						
9	Bàn họp hình oval(1.2x2.4)		3	7.920.000	7.920.000				X						
10	Bàn ngồi họp (1.2x0.6x0.75)		50	54.450.000	54.450.000				X						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
11	Bàn vi tính 0.8x0.8		60	20.400.000	20.400.000				x					
12	Bàn ghế học sinh (2 chỗ)		140	28.000.000	28.000.000				x					
13	Bàn ghế HS 2 chỗ		450	105.750.000	105.750.000				x					
14	Bàn ghế HS 2 chỗ		520	174.200.000	174.200.000		105.040.000		x					
15	Bàn ghế HS 2 chỗ = gỗ ghép		100	33.500.000	33.500.000		16.345.000		x					
16	Bàn ghế HS 2 chỗ = gỗ ghép		100	57.200.000	57.200.000				x					
17	Bàn vuông (thư viện)		18	15.675.000	15.675.000				x					
18	Bàn vi tính		10	52.800.000	52.800.000				x					
19	Xe đẩy băng ca		1	2.800.000	2.800.000				x					
20	Bàn vi tính		10	52.800.000	52.800.000				x					
21	Tủ Rack		1	8.910.000	8.910.000				x					
22	Tủ thuốc y tế = inox kính		1	3.771.253	3.771.253		371.253		x					
23	Bàn vi tính		30	158.400.000	158.400.000				x					
24	Tủ đựng hóa chất		1	6.930.000	6.930.000				x					
25	Bàn vi tính		4	21.120.000	21.120.000				x					
26	Bàn học sinh 2 chỗ ngồi liền ghế có tựa		24	27.720.000	27.720.000				x					
27	Tủ đựng hóa chất		1	6.930.000	6.930.000				x					
28	Tủ đựng hóa chất		1	6.930.000	6.930.000				x					
29	Tủ đựng hóa chất		1	6.930.000	6.930.000				x					
30	Bàn Lab HS chuyên dùng 2 chỗ ngồi		49	63.063.000	63.063.000				x					
31	Tủ hút thải khí độc		1	6.930.000	6.930.000				x					
32	Tủ hút thải khí độc		1	6.930.000	6.930.000				x					
33	Tủ hút (Fame hoods)		1	1.638.400	1.638.400				x					
34	Tủ đựng dụng cụ - treo áo quần (1.2x0.5x1.8)		1	3.366.000	3.366.000				x					
35	Bàn Lab HS chuyên dùng 2 chỗ ngồi		1	1.287.000	1.287.000				x					
36	Bàn TN cho học sinh		12	42.240.000	42.240.000				x					
37	Tủ đựng dụng cụ - treo áo quần (1.2x0.5x1.8)		1	3.366.000	3.366.000				x					
38	Kính hiển vi - XSZ 30S, camera 1.3Mp		1	9.900.000	9.900.000				x					
39	Kính hiển vi soi nổi có đèn - x100.220v		1	5.500.000	5.500.000				x					
40	Tủ y tế PHBM (300X470X170)		1	3.465.000	3.465.000				x					
41	Tủ Rack		1	8.910.000	8.910.000				x					
42	Bàn lục giác		8	23.997.600	23.997.600		5.999.424		x					
43	Tủ y tế PHBM (300X470X170)		3	10.395.000	10.395.000				x					
44	Giường (1.2X2)m		8	13.464.000	13.464.000				x					
45	Hệ thống bàn giáo viên gồm 2 modul		6	26.730.000	26.730.000				x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)						Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
46	Bàn chuẩn bị TN cho GV (2,4x1,2x0,75)		3	16.335.000	16.335.000				x						
47	Bàn vi tính		41	216.480.000	216.480.000				x						
48	Bàn vi tính		1	5.280.000	5.280.000				x						
	Tài sản cố định hữu hình khác			115.300.000	115.300.000			54.717.190							
1	Máy bán tập GDQP		1	18.500.000	18.500.000			5.550.000	x						
2	Máy bán tập GDQP		1	18.500.000	18.500.000			867.190	x						
3	Đồng hồ ASIA (1,2x1,2)		1	30.000.000	30.000.000				x						
4	Mô hình súng bắn tập		1	48.300.000	48.300.000			48.300.000	x						
	Tài sản cố định vô hình			5.000.000	5.000.000			5.000.000							
1	Phần mềm kế toán IMAS 8.0 6.1		1	5.000.000	5.000.000			5.000.000	x						

NGƯỜI LẬP BIỂU

Bùi Thị Hằng

Ngày 22 tháng 01 năm 2022

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN



Lê Ngọc Khái

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2021

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền					Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản(Nghìn đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú	
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại		Xử lý khác					
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất	Không có														
1	Địa chỉ...															
	...															
II	Nhà	Không có														
1	Địa chỉ...															
	Nhà I															
	Nhà...															
2	Địa chỉ...															
III	Xe ô tô	Không có														
1	Xe 1															
2	Xe...															
IV	Tài sản có định khác	Không có														

NGƯỜI LẬP BIỂU

Bùi Thị Hằng

Bùi Thị Hằng

Ngày 12 tháng 01 năm 2022

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Lê Ngọc Khải
THỦ ĐỨC
TRƯỜNG HỌC PHỔ THÔNG

Lê Ngọc Khải

Loại hình đơn vị: Đơn vị sự nghiệp công lập

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2021

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê							Liên doanh, liên kết				
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số..., ngày...)	Thời hạn cho thuê (từ đến....)	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên doanh, liên kết	Đối tác liên doanh liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số..., ngày...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ.... đến...)	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Nhà, đất															
1	Hợp đồng cung ứng dịch vụ giữ xe				750	22.050	Công ty cổ phần thương mại - xây dựng Đại Việt Phú	02/HĐ-THPT ngày 26/12/2020	01/01/2021 đến 31/12/2021	220.500						
2	Hợp đồng cung ứng dịch vụ Cẩn tín				264	44.333	Nguyễn Văn Đông	03/HĐ-THTD ngày 26/12/2020	01/01/2021 đến 31/12/2022	399.000						
II	Xe ô tô															
	Xe 1															
III	Tài sản cố định khác															

NGƯỜI LẬP BIỂU

Bùi Thị Hằng

Bùi Thị Hằng

Ngày 22 tháng 01 năm 2022
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN



Lê Ngọc Khải